

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 31 - 3 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc;
2. Ông Ma Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Ngọc C. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện L, Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 209 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-CP ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công D và bà Trần Thị X.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn L1, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Gia B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Hoàng Công L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Công T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/8/2018 vợ chồng ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X ký hợp đồng tín dụng số: 5211LAV201802400 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện L, Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hạn trả nợ ngày 06/8/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông D và bà X ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 240614180/HĐTC ngày 05/01/2017 và các phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240614180/PLHĐTC ngày 03/8/2017, số 240614180/PLHĐTC ngày 06/8/2018 với Ngân hàng để thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất của: Thửa đất số 612, tờ bản đồ số 5, diện tích 340m². Địa chỉ thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080724 do UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công Dương; Thửa đất số 476, tờ bản đồ số 4, diện tích 550m²; Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 650m²; Thửa đất số 437, tờ bản đồ số 5, diện tích 850 m². Địa chỉ các thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080725 do UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D.

Sau khi vay tiền ông D, bà X không trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng và hiện nay còn nợ Ngân hàng 120.000.000 đồng tiền gốc và 85.510.686 đồng tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023. Khoản vay này đã quá thời hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh.

Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng 205.510.685 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 85.510.685 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/4/2023 đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông D, bà X không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không lấy lời khai của ông D, bà X được.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Đỗ Văn Đ trình bày: Năm 1999 ông Đ nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông D, bà X thửa đất số 476, tờ bản đồ số 4, diện tích 550m², tại thôn Liên kết 2, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, giá chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng ông Đ biết thửa đất chuyển nhượng vợ chồng ông D, bà X đang thế chấp cho ngân hàng, vì vậy ông Đ và vợ chồng ông D, bà X chỉ viết giấy mua bán nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông Đ không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Gia B trình bày: Năm 1999 ông B nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông D, bà X thửa đất số 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 650m², tại thôn Liên kết 2, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, giá chuyển nhượng là 5 chỉ vàng. Khi nhận chuyển nhượng ông B biết thửa đất chuyển nhượng vợ chồng ông D, bà X đang thế chấp cho ngân hàng, vì vậy ông B và vợ chồng ông D, bà X chỉ viết giấy mua bán, nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông B không có ý kiến gì.

Ông Hoàng Công L trình bày: Năm 2000 ông L có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông D, bà X thửa đất số 437, tờ bản đồ số 5, diện tích 850m², tại thôn Liên kết 2, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, giá chuyển nhượng là 6.800.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng ông L biết thửa đất chuyển nhượng vợ chồng ông D, bà X đang thế chấp cho ngân hàng, vì vậy ông L và vợ chồng ông D, bà X chỉ viết giấy mua bán nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông L không có ý kiến gì.

Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th là con gái của ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X. Tài sản ông D, bà X đang thế chấp tại ngân hàng là tài sản của bố mẹ, chị Th và các anh em không có đóng góp gì để tạo dựng nên khối tài sản trên. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì chị Th không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại huyện Lắc nên Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định.

Về xác định đúng tư cách đương sự và thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền 205.510.685 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 85.510.685 đồng, ông D, bà X tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 01/4/2023 đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X không trả được nợ, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí trưng cầu giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X trả cho Ngân hàng 205.510.685 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 5211LAV201802400 ký ngày 06/8/2018, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ

khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông D, bà X phải trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 85.510.685 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh (theo hợp đồng tín dụng số 5211LAV201802400 ký ngày 06/8/2018) kể từ ngày 01/4/2023 cho đến khi trả xong nợ, Ngân hàng đã giao nộp chứng cứ là bản sao hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các phụ lục của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bảng kê tính lãi đến ngày 31/3/2023.

Như vậy, ngày 06/8/2018 ông D, bà X ký hợp đồng tín dụng số 5211LAV201802400 với Ngân hàng để vay số tiền 120.000.000 đồng của Ngân hàng là có thật. Sau khi vay tiền ông D, bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần buộc ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 85.510.685 đồng, ông D, bà X tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng đến khi trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:

Khi vay tiền ông D, bà X thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất của: Thửa đất số 612, tờ bản đồ số 5, diện tích 340 m². Địa chỉ thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080724 do UBND huyện Lắc cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công Dương và Thửa đất số 476, tờ bản đồ số 4, diện tích 550 m²; Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 650 m²; Thửa đất số 437, tờ bản đồ số 5, diện tích 850 m². Địa chỉ các thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080725 do UBND huyện Lắc cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công Dương. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 240614180/HĐTC ngày 05/01/2017 và các phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240614180/PLHĐTC ngày 03/8/2017 và số 240614180/PLHĐTC ngày 06/8/2018.

Hợp đồng thế chấp được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Trong trường hợp ông D, bà X không trả được nợ cho Ngân hàng, áp dụng Điều 299 của Bộ luật dân sự, xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Sau khi ông D, bà X trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho ông D, bà X: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080724 do UBND huyện Lắc cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D và Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080725 do UBND huyện Lắc cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D.

[5] Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 10.275.500 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.930.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông D, bà X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng và Chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 4.080.000 đồng. Sau khi thu được của ông D, bà X khoản tiền này thì trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Công D và bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền là 205.510.685 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu năm trăm mười nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 85.510.685 đồng. (Trả tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện L, Đắc Lắc. Địa chỉ: Số 209 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắc Lắc).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông D, bà X trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho ông D, bà X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080724 do

UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080725 do UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D.

Trường hợp ông D, bà X không trả được nợ thì xử lý tài sản thế là:

Quyền sử dụng đất của Thửa đất số: 612, tờ bản đồ số 5, diện tích 340 m². Địa chỉ thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080724 do UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D.

Quyền sử dụng đất của các thửa đất: Thửa số 476, tờ bản đồ số 4, diện tích 550 m²; Thửa số 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 650 m²; Thửa số 437, tờ bản đồ số 5, diện tích 850 m². Địa chỉ các thửa đất: Xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 080725 do UBND huyện Lắk cấp ngày 18/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Công D.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 240614180/HĐTC ngày 05/01/2017 và các phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240614180/PLHĐTC ngày 03/8/2017 và số 240614180/PLHĐTC ngày 06/8/2018.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 10.275.500 đồng (*Mười triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện L, Đắk Lắk số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.930.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2019/0010496 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và tiền chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký là 4.080.000 đồng (*Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*). Sau khi thu được tiền của ông Nguyễn Công D, bà Trần Thị X trả lại cho Ngân hàng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đã nộp theo phiếu thu số 05 ngày 22/06/2022 và phiếu chi số 01 ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngọc